

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Khăm Niên

Ông Xông Bá Nỏ

Thư ký phiên tòa: Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 63/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị L Th E, sinh năm 1997. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Bản X Kh, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Kh V Kh, sinh năm 1991. Có đề nghị xét xử vắng mặt.

Nơi trú tại: Bản X Kh, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 27/3/2024, bản tự khai ngày 01/4/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị L Th E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị E và anh Kh V Kh tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2015. Chị E và anh Kh đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 25/3/2015 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường

xuyên cãi vã, xúc phạm nhau thậm tệ, chung sống dưới một mái nhà nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung, lâu dần rạn nứt tình cảm. Chị E và anh Kh sau nhiều lần hàn gắn tình cảm thì cuộc sống vợ chồng không có tiền triển nên vợ chồng ly thân từ năm 2020. Chị E đi đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2015 thì E chưa đủ 18 tuổi, nhưng khi yêu cầu giải quyết ly hôn thì chị E đã đủ tuổi đăng ký kết hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị E có nguyện vọng ly hôn với anh Kh để ổn định cuộc sống và công việc.

Về con chung: Chị E và anh Kh có 02 người con chung cháu thứ nhất Kh Nh Th, sinh ngày 27/01/2015 và cháu thứ hai tên là Kh K M, Sinh ngày 04/3/2018 hiện các cháu tại đang ở với anh Kh, ông, bà nội tại bản X Kh, xã Ng M, huyện T D tỉnh Nghệ An. Chị E và anh Kh cũng thỏa thuận về con chung, chị E đồng ý giao cháu Kh Nh Th và Kh K M cho anh Kh V Kh chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, về cấp dưỡng: chị E và anh Kh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L Th E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/4/2024 bị đơn anh Kh V Kh trình bày:

- Tình cảm: Anh Kh và chị L Th E tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2015. Tôi và chị E đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày **25 tháng 3 năm 2015** trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh vào năm 2020, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng sống tính cách không hợp nhau, nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau thậm tệ, chị E bỏ nhà đi từ giữa năm 2020 thì vợ chồng cũng sống ly thân với nhau. Anh Kh biết khi đi đăng ký kết hôn chị E chưa đủ 18 tuổi, nhưng hiện nay vợ chồng đã đủ tuổi đăng ký kết hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Kh và chị E sống ly thân với nhau từ năm 2020, tình cảm vợ chồng cũng không còn, hai bên gia đình cũng đã giải quyết xong nên anh Kh cũng có nguyện vọng được ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

- Con chung: Anh Kh và chị L Th E có 02 con chung là cháu Kh Nh Th, sinh ngày 27/01/2015 và cháu Kh K M, sinh ngày 04/3/2018 hiện cháu đang sống với anh Kh tại bản X Kh, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An, chị E bỏ đi từ năm 2020, hai người con đều do anh Kh chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn đặt ra anh Kh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh Nh Th và cháu Kh K M cho đến khi cháu trưởng thành. **Về cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

Tài sản chung, nợ chung: Anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã Ng M: Anh Kh V Kh và chị L Th E có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An tại số 10, quyển số 01. Việc kết hôn của anh Kh, chị E

đảm bảo các quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng anh Kh, chị E có 02 con chung là cháu Kh Nh Th, sinh ngày 27/01/2015 và cháu Kh K M, sinh ngày 04/3/2018. Hiện chị E và anh Kh sống ly thân với nhau.

Bản tự khai cháu Kh Nh Th: Cháu Th có nguyện vọng sống với anh Kh V Kh và không yêu cầu mẹ L Th E cấp dưỡng tiền nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm quyền quyền giải quyết vụ án; xác định quan hệ tranh chấp; Hồ sơ được lập, đánh số bút lục; Xác định tư cách nguyên đơn, bị đơn; Xác minh thu thập chứng cứ; Việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và phiên hòa giải; Xét về thời hạn giải quyết vụ án; Về tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại các buổi triệu tập của Tòa án tuy nhiên có lý do.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 12, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

Về tình cảm: Chị L Th E được ly hôn anh Kh V Kh

Về con chung: Giao cháu cháu Kh Nh Th, sinh ngày 27/01/2015 và cháu Kh K M, sinh ngày 04/3/2018 cho anh Kh V Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị E vì anh Kh không yêu cầu.

Tài sản chung, nợ chung: Chị E và anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Án phí: Chị E chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị L Th E có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Kh V Kh, có nguyện vọng được nuôi con, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh Kh V Kh có nơi thường trú tại bản X Kh, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử cho nguyên đơn, bị đơn.

Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn L Th E, bị đơn anh Kh V Kh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của đương sự, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã xác định thời điểm anh Kh và chị E đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị L Th E chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định, tuy nhiên ngày 01/4/2024 Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì chị E đã đủ tuổi kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh Kh có nguyện vọng được ly hôn với chị L Th E. Mặt khác, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân gia đình, trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên không đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, và đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nay hai bên cùng yêu cầu Tòa án cho ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, anh Kh và chị E đề có nguyện vọng được ly hôn, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị E và anh Kh đã trầm trọng cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị L Th E được ly hôn anh Kh V Kh.

[2.2] Về con chung: Chị E và anh Kh có 02 con chung là Kh Nh Th, sinh ngày 27/01/2015 và cháu Kh K M, sinh ngày 04/3/2018 hiện đang sống với anh Kh và anh Kh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành, anh Kh không yêu cầu chị Phượng cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị L Th E đồng ý giao cháu Kh Nh Th, cháu Kh K M cho anh Kh chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Kh Nh Th cũng có nguyện vọng được sống với anh Kh. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Kh Nh Th, sinh ngày 27/01/2015 và cháu Kh K M, sinh ngày 04/3/2018 cho anh Kh V Kh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị E. Chị E được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị E thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí và quyền kháng cáo: Chị L Th E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, Điều 147 BLTTDS năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L Th E

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị L Th E được ly hôn với anh Kh V Kh.

2. Về con chung:

Giao các con chung cháu Kh Nh Th, sinh ngày 27/01/2015 và cháu Kh K M, sinh ngày 04/3/2018 cho anh Kh V Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Chị L Th E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L Th E

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Chị L Th E và anh Kh V Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị L Th E phải chịu phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007354 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị L Th E, bị đơn anh Kh V Kh có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T D;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện T D;
- UBND xã Ng M;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Ái